

GIAO NHẬN BẢNG ĐIỂM KỲ 20181

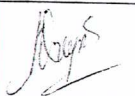
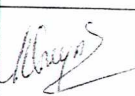
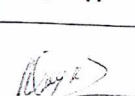
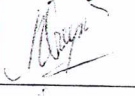
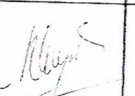
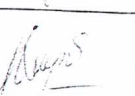
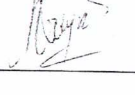
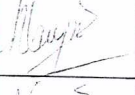
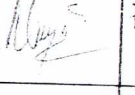
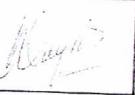
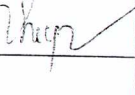
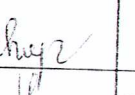
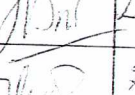
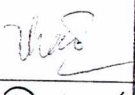
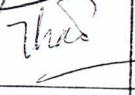
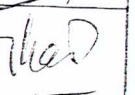
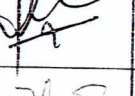
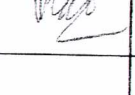
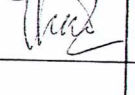
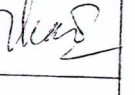
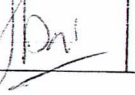
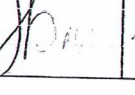
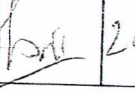
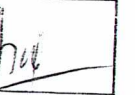
Bộ môn : CÔNG NGHỆ SINH HỌC

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
1	104165	BF1016	Sinh học đại cương	Nguyễn Lan Hương, Trương Quốc Phong	5/11/18		21/1/19		11/1/19		11/1/19	
2	104165	BF1016	Sinh học đại cương	Nguyễn Lan Hương, Trương Quốc Phong								
3	105777	BF2112	Nhập môn KT sinh học	Lê Thanh Hà	14/2/18		27/2/18		24/1/19		24/1/19	
4	105805	BF4151	Kỹ thuật sinh học xử lý chất thải	Nguyễn Lan Hương	21/12/2018		4/1/2019		04/01/19		25/01/19	
5	105809	BF4155	Kỹ thuật thu nhận hợp chất có hoạt tính sinh học từ thực vật	Đỗ Thị Hoa Viên	18/12/18		28/12/18		18/2/18		23/4/19	
6	105828	BF5011	Tối ưu hoá quá trình và tổ chức sản xuất	Nguyễn Trường Giang	28/12/18							
7	105831	BF5011	Tối ưu hoá quá trình và tổ chức sản xuất	Nguyễn Trường Giang	28/12/18		18.1.19				18.1.19	
8	105832	BF5011	Tối ưu hoá quá trình và tổ chức sản xuất	Nguyễn Trường Giang	28/12/18		18.1.19				18.1.19	
9	105834	BF5020	Cơ sở lập dự án và thiết kế nhà máy	Nguyễn Văn Cách, Nguyễn Tiến Thành, Lê Tuân	14/12/18		07/01/19		18/12/18		25/1/19	
10	105834	BF5020	Cơ sở lập dự án và thiết kế nhà máy	Nguyễn Văn Cách, Nguyễn Tiến Thành, Lê Tuân								

[illegible]

GIAO NHẬN BẢNG ĐIỂM KỲ 20181

Bộ môn : QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
1	105801	BF3018	Quản lý chất lượng trong công nghệ thực phẩm	Cung Tố Quỳnh			28/1/19				28/1/19	
2	105804	BF3124	Hệ thống quản lý chất lượng trong CNSH	Cung Tố Quỳnh (0.5), Nt.Xuân Sâm (0.5)			16/1/19				16/1/19	
3	105853	BF3811	Nguyên liệu và phụ gia thực phẩm	Cung Tố Quỳnh (0.5), Đỗ thị Yến (0.5)							7/1/2019	
4	105853	BF3811	Nguyên liệu và phụ gia thực phẩm	Cung Tố Quỳnh (0.5), Đỗ thị Yến (0.5)	22/10/18		14/1/19		26/10/18			
5	105852	BF3831	Các phương pháp phân tích và kiểm tra chất lượng thực phẩm(CN)	Vũ Hồng Sơn (0.7), Vũ Thu Trang (0.3)			28/1/19		19/12/18		24/1/19	
6	105856	BF3840	Hệ thống Quản lý chất lượng thực phẩm	Nguyễn Thị Thảo					19/12/18		25/1/19	
7	105818	BF4312	Đánh giá cảm quan thực phẩm	Từ Việt Phú	12/11/18				02/07/19			
8	105819	BF4314	Hệ thống văn bản quản lý chất lượng	Nguyễn Thị Thảo					19/12/18		25/1/19	
9	105819	BF4314	Hệ thống văn bản quản lý chất lượng	Nguyễn Thị Thảo								
10	105822	BF4315	Xử lý thống kê ứng dụng	Vũ Hồng Sơn	10/12/18		27/1/19		19/12/18		24/1/19	

[illegible]

GIAO NHẬN BẢNG ĐIỂM KỲ 2018

Bộ môn : CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
1	105781	BF2901	Nhập môn công nghệ thực phẩm	Vũ Thu Trang (0.3), Đỗ Thị Yên (0.4), Chu Kỳ Sơn (0.3)	26/12/2018	Thuy2	10/1/2019	Thuy2	28/12/2018	Thuy2	10/2/2019	Thuy2
2	105785	BF2901	Nhập môn công nghệ thực phẩm	Vũ Thu Trang (0.3), Đỗ Thị Yên (0.4), Chu Kỳ Sơn (0.3)	26/12/2018	Thuy2	10/1/2019	Thuy2	28/12/2018	Thuy2	10/2/2019	Thuy2
3	105799	BF3032	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Nguyễn Tiến Cường	26/12/2018	Thuy2			2/1/2019	Thuy2		
4	105799	BF3032	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Nguyễn Tiến Cường	26/12/2018	Thuy2	26/12/18	Thuy2	2/1/2019	Thuy2	13/1/19	Thuy2
5	105800	BF3032	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Phan Thanh Tâm	26/12/18	Thuy2	26/12/18	Thuy2	2/1/2019	Thuy2	1/1/2019	Thuy2
6	105855	BF3813	Bảo quản thực phẩm	Nguyễn Thị Hạnh	26/12/18	Thuy2	6/1/18	Thuy2	26/12/18	Thuy2	13/1/18	Thuy2
7	105854	BF3819	Công nghệ sản xuất thực phẩm	Đỗ Thị Yên (0.5), Nguyễn Thanh Hằng (0.5)		Thuy2		Thuy2		Thuy2	23/1/2019	Thuy2
8	105852	BF3831	Các phương pháp phân tích và kiểm tra chất lượng thực phẩm(CN)	Vũ)Hồng Sơn (0.7), Vũ Thu Trang (0.3)								
9	105811	BF4174	Công nghệ sản phẩm lên men	Nguyễn Thanh Hằng (0.5), Chu Kỳ Sơn (0.5)	26/12/18	Thuy2	2/1/19	Thuy2	2/1/19	Thuy2	2/1/2019	Thuy2

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
10	105811	BF4174	Công nghệ sản phẩm lên men	Nguyễn Thanh Hằng (0.5), Chu Kỳ Sơn (0.5)								
11	105813	BF4212	Enzym trong công nghệ thực phẩm	Hồ Phú Hà	26/10/18	<i>Khánh</i>			26/10/18	<i>Khánh</i>	09/11/18	<i>Ho</i>
12	105814	BF4213	Bảo quản nông sản thực phẩm	Phan Thanh Tâm	20/12/18	<i>Ưan</i>	26/12/18	<i>Ưan</i>	20/12/18	<i>Ưan</i>	23/1/19	<i>Ưan</i>
13	105812	BF4216	Nguyên liệu thực phẩm	Đỗ Thị Yến (0.5), Lương Hồng Nga (0.5)							18/1/19	<i>Nguyen</i>
14	105815	BF4217	Công nghệ lạnh thực phẩm	Nguyễn Văn Hưng (0.5), Nguyễn Thị Hạnh (0.5)	05/12/18	<i>Ưan</i>	24/12/18	<i>Ưan</i>	07/12/18	<i>Ho</i>		
15	105817	BF4311	Kiểm soát chất lượng VSV trong TP	Hoồ Phú Hà	15/12/18	<i>Ưan</i>	27/10/19	<i>Ưan</i>	25/12/18	<i>Ưan</i>	27/01/19	<i>Ưan</i>
16	105820	BF4317	Bao bì thực phẩm	Vũ Thu Trang (0.5), Đỗ Thị Yến (0.5)	22/10/18	<i>Ưan</i>	05/11/18	<i>Ưan</i>	26/10/18	<i>Ưan</i>	12/11/18	<i>Ưan</i>
17	105835	BF5210	Thông gió, hút bụi và điều hòa không khí	Lương Hồng Nga (0.8), Cường (0.2)					26/10/18	<i>Ưan</i>	12/11/18	<i>Ưan</i>
18	105839	BF5270	Công nghệ ngũ cốc	Lương Hồng Nga (0.5), Cường (0.5)	27/12/18	<i>Ưan</i>	4/1/2019	<i>Ưan</i>	27/12/18	<i>Ưan</i>	13/1/19	<i>Ưan</i>
19	105841	BF5410	Công nghệ cà phê và ca cao	Hồ Phú Hà (0.5), Phan Thanh Tâm (0.5)	20/12/18	<i>Ưan</i>	29/1/19	<i>Ưan</i>	20/12/18	<i>Ưan</i>	29/1/19	<i>Ưan</i>
20	105838	BF5682	Thực phẩm chức năng	Hồ Phú Hà (0.5), Nguyễn Thị Minh Tú (0.5)			30/1/19	<i>Ưan</i>	10/1/2019	<i>Ưan</i>	30/1/19	<i>Ưan</i>

GIAO NHẬN BẢNG ĐIỂM KỲ 20181

Bộ môn : VI SINH - HÓA SINH - SH PHÂN TỬ

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
1	105792	BF3012	Vi sinh vật thực phẩm	Nguyễn Liêu Ba	11.12.2018	<i>Liêu Ba</i>	24.12.18	<i>Liêu Ba</i>		<i>Liêu Ba</i>	24.12.2018	<i>Liêu Ba</i>
2	105793	BF3012	Vi sinh vật thực phẩm	Trần Liên Hà	1/11/2018	<i>Liên Hà</i>	22/11/19	<i>Liên Hà</i>	25/12/18	<i>Liên Hà</i>	22/11/19	<i>Liên Hà</i>
3	105786	BF3111	Vi sinh vật	Nguyễn Văn Cách	15/12/2018	<i>Nguyễn Văn Cách</i>			25/12/18	<i>Nguyễn Văn Cách</i>		
4	105790	BF3119	Miễn dịch học	Nguyễn Thị Xuân Sâm	29/12/18	<i>Nguyễn Thị Xuân Sâm</i>			27/12/18	<i>Nguyễn Thị Xuân Sâm</i>		
5	105803	BF3123	Tin sinh học	Nguyễn Văn Cách	26/10/18	<i>Nguyễn Văn Cách</i>			26/10/18	<i>Nguyễn Văn Cách</i>		
6	105804	BF3124	Hệ thống quản lý chất lượng trong CNSH	Cung Tố Quỳnh (0.5), Nt. Xuân Sâm (0.5)	26/12/18	<i>Cung Tố Quỳnh</i>			26/12/18	<i>Cung Tố Quỳnh</i>		
7	105789	BF3199	Sinh học tế bào	Khuất Hữu Thanh	26/10/18	<i>Khuất Hữu Thanh</i>			19/11/18	<i>Khuất Hữu Thanh</i>		
8	105806	BF4152	Công nghệ vi sinh vật	Trần Liên Hà	1/11/2018	<i>Liên Hà</i>	22/11/19	<i>Liên Hà</i>	25/12/18	<i>Liên Hà</i>	22/11/19	<i>Liên Hà</i>
9	105808	BF4154	Công nghệ enzyme	Đỗ Biên Cương	5/12/2018	<i>Đỗ Biên Cương</i>		<i>Đỗ Biên Cương</i>	11/1/2019	<i>Đỗ Biên Cương</i>	10/1/19	<i>Đỗ Biên Cương</i>
10	676953	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Nguyễn Liêu Ba (0.7) - Nguyễn Thị Hoàng Mai (0.3)	11.12.18	<i>Nguyễn Liêu Ba</i>						
11	676954	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Bùi Thị Kim Hoa (0.3) - Nguyễn Liêu Ba (0.7)	11.12.18	<i>Nguyễn Liêu Ba</i>						
12	676955	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Nguyễn Thị Hoàng Mai (0.3) - Nguyễn Liêu Ba (0.7)	11.12.18	<i>Nguyễn Liêu Ba</i>						

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
13	676956	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Phạm Tuấn Anh (0.7) - Bùi Thị Kim Hoa (0.3)	22/12/18	<i>ly</i>	23/1	<i>ly</i>		<i>ly</i>	23/1/19	<i>ly</i>
14	676957	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Bùi Thị Kim Hoa (0.3) - Phạm Tuấn Anh (0.7)	30/12/18	<i>ly</i>	29/1/19	<i>ly</i>	30/12/18	<i>ly</i>	29/1/19	<i>ly</i>
15	676958	BF3013	TN Vi sinh vật thực phẩm	Nguyễn Thị Hoàng Mai (0.3) - Trần Liên Hà (0.7)	30/12/2018	<i>ly</i>	22/1/2019	<i>ly</i>	30/12/18	<i>ly</i>	22/1/2019	<i>ly</i>
16	676944	BF2011	Thí nghiệm hóa sinh thực phẩm	Lê Thị Huyền (0.3) - Tô Kim Anh (0.7)								
17	676944	BF2011	Thí nghiệm hóa sinh thực phẩm	Lê Thị Huyền (0.3) - Tô Kim Anh (0.7)								
18	105712	BF3015	Di truyền học và SHPT	Trần Thị Quốc Anh	5/11/18	<i>ly</i>	27/12/18	<i>ly</i>	17/12/18	<i>ly</i>	21/1/19	<i>ly</i>
19	11582	BF4153	Lý luận Di truyền	Nguyễn Thị Huệ	30/10/18	<i>ly</i>			13/11/18	<i>ly</i>	18/11/18	
20	10583	BF5681	TP Biến đổi gen	Nguyễn Thị Huệ	30/11/18				30/11/18	<i>ly</i>		
21	1154164	TN C Nucleic	Đỗ Bình Cường (0.3)	Đỗ Bình Cường (0.3)	5/1/18	<i>ly</i>			5/12/18		18/1/19	<i>ly</i>
22	1154164	TN C Nucleic	<i>ly</i>	<i>ly</i>	5/1/18	<i>ly</i>			5/12/18	<i>ly</i>	18/1/19	<i>ly</i>
23	1154164	TN C Nucleic	<i>ly</i>	<i>ly</i>	5/1/18	<i>ly</i>			5/12/18	<i>ly</i>	18/1/19	<i>ly</i>
24	1154164	TN C Nucleic	<i>ly</i>	<i>ly</i>	5/12/18	<i>ly</i>			5/12/18		18/1/19	<i>ly</i>
25	1154163	TN DNA	Lê Quang Hoa								18/1/19	<i>ly</i>
26											21/2/19	<i>ly</i>

GIAO NHẬN BẢNG ĐIỂM KỲ 20181

Bộ môn : QUÁ TRÌNH - THIẾT BỊ CNSH & CNTP

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
1	105794	BF3014	Quá trình và thiết bị cơ học	Phạm Thanh Hương	5/11/2018		2/1/2019		5/12/2018		18/1/2019	
2	105795	BF3016	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Phan Minh Thụy					24/10			
3	105796	BF3016	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Nguyễn Ngọc Hoàng			4/1/19		04/19			
4	105797	BF3019	Kỹ thuật đo lường và lý thuyết điều khiển tự động	Nguyễn Minh Hệ	15/11/2018		10/1/2019		23/12/18		22/1/2019	
5	105798	BF3019	Kỹ thuật đo lường và lý thuyết điều khiển tự động	Nguyễn Đức Trung	15/11/2018		27/1/2019					
6	105802	BF3125	Kỹ thuật đo lường và điều khiển quá trình công nghệ	Phạm Ngọc Hưng	26/10		19/11		26/10		19/11	
7	105850	BF3815	Quá trình và thiết bị chuyển khối	Trần Quốc Tiệp					30/10/18		14/11/18	
8	105851	BF3816	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Phan Minh Thụy			28/12				17/1/18	

TT	Mã lớp	Mã HP	Học phần	Họ tên cán bộ	GIAO BD QT - NỘP BDQT				GIAO BD THI - NỘP BD THI			
					Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp	Ngày Giao	Ký nhận	Ngày nộp	Ký nộp
9	105827	BF4411	Máy và thiết bị chế biến thực phẩm	Lê Ngọc Cường (0.5), Nguyễn Ngọc Hoàng (0.5)		<i>Py</i>	17.1	<i>Py</i>		<i>Py</i>	17.1	<i>Py</i>
10	105825	BF4412	Điều khiển tự động các quá trình công nghệ thực phẩm	Nguyễn Minh Hê	15/11/2018	<i>hê</i>			21/10/18	<i>hê</i>	9/11/18	<i>hê</i>
11	105826	BF4416	Máy tự động trong sản xuất TP	Nguyễn Minh Hê	27/12/18	<i>hê</i>	22/11/2019	<i>hê</i>	27/12/18	<i>hê</i>	22/11/2019	<i>hê</i>
12	105849	BF5511	Thiết kế hệ thống sấy các sản phẩm thực phẩm	Lê Ngọc Cường (0.2), Phạm Thanh Hương (0.8)	7/11/2018	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	14/1/19	<i>hưng</i>
13	105846	BF5520	Thiết kế các Máy gia công cơ học trong sản xuất thực phẩm	Lê Ngọc Cường		<i>Py</i>	17.1	<i>Py</i>		<i>Py</i>	17.1	<i>Py</i>
14	105847	BF5550	Trang thiết bị điện cho Máy thực phẩm	Phạm Ngọc Hưng	18/12/2018	<i>hưng</i>	19/1/19	<i>hưng</i>	18/12/2018	<i>hưng</i>	15/1/2019	<i>hưng</i>
15	6770	BF3817	Thí nghiệm QT&TB	Bộ môn	5/11/2018	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>				
16	6770	BF3817	DAI - QT&TB	Bộ môn	5/11/18	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	27/12/18		22/1/19	22/1/19
17	67733	BF3817	DAI - QT&TB	Bộ môn	5/11/18	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	22/1/19	22/1/19
18	677012	BF3827	Thí nghiệm QT&TB	Bộ môn	5/11/18	<i>hưng</i>	28/12/18	<i>hưng</i>	28/12/18		22/1/19	22/1/19
19	677043	BF4421	DA Chuyên ngành QT&TB	Bộ môn		<i>Ko có bản đúng</i>			29/12/18		22/1/19	22/1/19